

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 421/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-5-2023
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Phụng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Liên
Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 151/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977;

Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ tạm trú: B tổ F, ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980;

Địa chỉ thường trú: Thôn D, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ tạm trú: 22/3B tổ F, ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 22/02/2007 tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01/2007 do UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 22/02/2007).

Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân là do ông T có tính gia trưởng, thường xuyên xúc phạm, bạo hành bà. Ngày 22/5/2010, bà sinh con thứ hai chưa được một

tháng thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, ông T đánh bà khó thở phải nhờ trạm y tế tiêm thuốc.

Ngày 31/8/2013, ông T đánh bà gây thương tích phải nhập viện điều trị vết thương.

Ngày 11/02/2018, ông T bóp cổ bà và đập đầu bà xuống nền nhà gây chảy máu, bà phải đi bệnh viện kiểm tra.

Ngày 19/3/2018, chỉ vì bà nấu một bữa cơm đơn giản mà ông T cầm dao định đâm bà.

Tháng 8/2018, bà có nộp đơn ly hôn, sau đó Tòa án có mời hai bên lên hòa giải, ông T đã xin lỗi và hứa sẽ thay đổi nên bà đồng ý rút đơn. Nhưng chỉ được một thời gian, ông T vẫn đánh đập, chửi bới, xúc phạm, bạo hành bà hết lần này đến lần khác cả về thể xác và tinh thần. Cuộc sống hôn nhân đối với bà như địa ngục không lối thoát. Bà đã không còn tình cảm với ông T từ lâu nhưng vì thương hai con nên bà cố gắng nhẫn nhục nhưng ông T ngày càng đánh đập, hành hạ bà nhiều hơn.

Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình sống chung, bà và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc M (giới tính nam), sinh ngày 07/02/2008 và Nguyễn Thị Bích N (giới tính nữ), sinh ngày 30/4/2010. Hiện nay, công việc của bà là kinh doanh tại nhà với thu nhập ổn định khoảng 20.000.000 đồng/tháng, có đủ khả năng nuôi 02 con. Mặt khác, ông T là người có tính bạo lực, nếu các con sống với ông T sẽ bị ảnh hưởng đến tinh thần và thể chất. Do đó, bà yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tham gia tố tụng đều tuân thủ² những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà H và ông T là vợ chồng hợp pháp từ ngày 22/02/2007. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Ông T thường xuyên chửi bới, xúc phạm và bạo hành bà H. Hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc M, sinh năm 2008 và Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 2010. Bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Để đảm bảo sự phát triển cho hai cháu cũng như xét nguyện vọng của bà H là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho bà H được quyền nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[I] Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa bà H và ông T là tranh chấp về việc “ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; ông T có nơi cư trú tại huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập cho bà H và ông T. Tại phiên tòa, bà H có mặt, ông T vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[II] Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

[1.1] Bà H và ông T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01/2007 ngày 22/02/2007 của UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, bà H và ông T là vợ chồng hợp pháp, quan hệ hôn nhân được pháp luật bảo vệ.

[1.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhằm tạo điều kiện để bà H và ông T hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T, ông T vắng mặt không rõ lý do.

[1.3] Bà H trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T là người gia trưởng, thường xuyên bạo hành, đánh đập, xúc phạm nhân phẩm, danh dự của bà.

Căn cứ Giấy ra viện ngày 03/9/2013, Giấy chứng nhận thương tích ngày 12/8/2020, các đơn thuốc của Bệnh viện Đ, có đủ cơ sở xác định bà H thường xuyên bị ông T bạo hành, đánh đập.

Năm 2018, bà H đã nộp đơn xin ly hôn với ông T nhưng sau đó vợ chồng đã hòa giải, bà H đã rút đơn ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 1302/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/11/2018.

Tuy nhiên, sau khi bà H rút đơn ly hôn, ông T vẫn đánh đập, xúc phạm bà H. Căn cứ các hình ảnh chụp lại thương tích của bà H do bà H cung cấp, có đủ cơ sở xác định, ông T vẫn có hành vi bạo hành đối với bà H, vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định, ông T có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc ly hôn với ông T.

[2] Về con chung: Bà H xác định trong thời kỳ hôn nhân với ông T, vợ chồng bà có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc M (giới tính nam), sinh ngày 07/02/2008 và Nguyễn Thị Bích N (giới tính nữ), sinh ngày 30/4/2010.

Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng của bà H là phù hợp cũng như để đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cho trẻ M và trẻ N, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao trẻ M và trẻ N cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết tài sản chung, nợ chung.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 5, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T (Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01/2007 ngày 22/02/2007 của UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi).

2. Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc M (giới tính nam), sinh ngày 07/02/2008 và Nguyễn Thị Bích N (giới tính nữ), sinh ngày 30/4/2010.

Giao trẻ Nguyễn Ngọc M và Nguyễn Thị Bích N cho bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi.

Vì lợi ích của con chung, ông T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2022/0015785 ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn (đã nộp đủ).

6. Nguyên đơn (có mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh Phụng